

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ VÀ PHỤ THU
(Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro)

[01] Dầu thô ☐ [02] Condensate ☐ [03] Khí thiên nhiên ☐
[04] Kỳ tính thuế: Năm
[05] Khai lần đầu ☐ [06] Khai bổ sung lần thứ:

[07] Tên người nộp thuế:

[08] Mã số thuế:

[09] Hợp đồng dầu khí lô:

[10] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:

[11] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[12] Mã số thuế:

[13] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số..... ngày:

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí chịu thuế trong kỳ tính thuế $[14]=[15]+[16]$	[14]	Thùng; m3	
1.1	Sản lượng xuất khẩu	[15]	Thùng; m3	
1.2	Sản lượng xuất bán tại Việt Nam	[16]	Thùng; m3	
2	Tổng doanh thu chịu thuế trong kỳ tính thuế	[17]	USD	
3	Tổng chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế.	[18]	USD	
4	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế $[19]=[17]-[18]$	[19]	USD	
5	Giá tính thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế $[20]=[17]/[14]$	[20]	(USD/thùng; USD/m3	
6	Thuế tài nguyên bằng dầu khí phải nộp trong kỳ tính thuế	[21]	Thùng; m3	
7	Số tiền thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế $[22]=[21]\times[20]$	[22]	USD	
8	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[23]	USD	

9	Chênh lệch giữa số tiền thuế tài nguyên phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế $[24]=[22]-[23]$	[24]	USD	
10	Thuế suất thuế TNDN	[25]	%	
11	Số tiền thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế $[26]=[25] \times [19]$	[26]	USD	
12	Số tiền thuế TNDN tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[27]	USD	
13	Chênh lệch giữa số tiền thuế TNDN phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế $[28]=[26]-[27]$	[28]	USD	
14	Tổng số phụ thu phải nộp trong kỳ tính thuế	[29]	USD	
15	Tổng số phụ thu tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[30]	USD	
16	Chênh lệch giữa số phụ thu phải nộp theo quyết toán với số phụ thu đã kê khai trong kỳ tính thuế $[31]=[29]-[30]$	[31]	USD	
17	Số tiền thuế đặc biệt phải nộp đối với khí thiên nhiên trong kỳ tính thuế	[32]	USD	
18	Số tiền thuế đặc biệt tạm tính đối với khí thiên nhiên đã kê khai trong kỳ tính thuế	[33]	USD	
20	Chênh lệch giữa số thuế đặc biệt phải nộp theo quyết toán với số thuế đặc biệt đã kê khai trong kỳ tính thuế $[34]=[32]-[33]$	[34]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

.....,ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ
LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số

.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp Liên doanh Việt-Nga Vietsovetpetro khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- USD: đồng đô la Mỹ..